

Số: 28 /CV-BĐ

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 4 năm 2022

V/v đề nghị đăng tải nội dung tham vấn đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vài, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Kính gửi: - Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh;  
- Trung tâm Công nghệ thông tin truyền thông.

Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức có giấy phép đăng ký kinh doanh số 3001682103 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/6/2013. Là đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vài, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 04/3/2021; phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức xin kính gửi đến Trung tâm Công nghệ thông tin truyền thông – Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh hồ sơ tham vấn đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vài, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm:

1. Công văn về việc đề nghị đăng tải nội dung tham vấn đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vài, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;

2. Bản tóm tắt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vài, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh kèm các văn bản pháp lý có liên quan;

Đề nghị quy cơ quan đăng tải nội dung tham vấn lên trang thông tin điện tử và rất mong nhận được kết quả tham vấn để Công ty sớm hoàn thiện thủ tục hồ sơ pháp lý theo đúng quy định.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH ĐỨC**

-----☪-----

## **TÓM TẮT BÁO CÁO**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**Của Dự án: “Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải,  
xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”.**

*Hà Tĩnh, tháng 4 năm 2022*

# MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	1
1.1. Thông tin về dự án.....	1
1.1.1. Tên dự án.....	1
1.1.2. Vị trí địa lý dự án.....	1
1.1.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án.....	3
1.1.4. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ khai thác.....	3
1.2. Các hạng mục công trình chính.....	4
1.2.1. Các hạng mục công trình chính:.....	4
1.2.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:.....	4
CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ -XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	5
2.1. Điều kiện tự nhiên.....	5
2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất.....	5
2.1.2. Điều kiện khí hậu.....	5
2.2. Điều kiện kinh tế-xã hội.....	5
2.3. Hiện trạng môi trường.....	5
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	6
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng.....	6
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	6
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	8
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	11
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	11
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	13
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.....	17
4.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	17
4.1.1. Các căn cứ để lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường.....	17
4.1.2. Dự báo tình trạng mỏ sau khi kết thúc khai thác.....	17
4.1.3. Phương án phục hồi môi trường.....	18
4.2. Kế hoạch thực hiện.....	20
4.2.1. Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường.....	20
4.2.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.....	20

4.2.3. Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.....	21
4.3. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường .....	21
4.3.1. Kinh phí thực hiện .....	21
4.3.2 . Tính toán khoản tiền ký quỹ .....	21
<b>CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>22</b>
5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng .....	22
5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí.....	22
5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt .....	22
5.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt.....	22
5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH) .....	23
5.1.5. Giám sát khác .....	23
5.2. Giám sát môi trường giai đoạn khai thác .....	23
5.2.1. Giám sát nước thải.....	23
5.2.2. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn .....	23
5.2.3. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt.....	24
5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, CTNH .....	24
5.2.5. Giám sát khác .....	24
<b>CAM KẾT .....</b>	<b>25</b>

## **CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

### **1.1. Thông tin về dự án**

#### **1.1.1. Tên dự án**

- Tên Dự án: Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chủ dự án: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức.

- Các căn cứ thực hiện dự án:

+ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản đất san lấp núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”.

+ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 3170/GP-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

+ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;

- Đối chiếu quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc điểm d, khoản 4 điều 28 Luật bảo vệ môi trường, là dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

#### **1.1.2. Vị trí địa lý dự án**

Khu vực mỏ thuộc địa phận hành chính xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ, diện tích theo giấy phép thăm dò số 3170/GP-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích là 2,3ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8 có tọa độ theo hệ tọa độ VN.2000, KTT 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup> như bảng sau:



**Bảng 1.1. Các mốc toạ độ giới hạn của Dự án**

Điểm góc	Hệ toạ độ VN.2000, KTT 105°30', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	2044 674	493 892
2	2044 539	493 898
3	2044 508	493 838
4	2044 543	493 761
5	2044 582	493 744
6	2044 663	493 750
7	2044 669	493 777
8	2044 698	493 836
<b>Diện tích 2,3ha</b>		

Diện tích khu mỏ thuộc quyền quản lý của UBND xã Sơn Phú, với mục đích đất rừng sản xuất. Độ cao của mỏ từ cốt +9,85m đến +37,83m. Có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Đông (cạnh 1-2): giáp bãi rác xã Sơn Phú và đất sản xuất;
- Phía Tây (cạnh 4-5; 5-6): giáp đất sản xuất;
- Phía Nam (cạnh 2-3; 3-4): giáp đất sản xuất;
- Phía Bắc (cạnh 6-7; 7-8 và 1-8): giáp đất sản xuất;



**Hình 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án**

### ***1.1.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án***

- Về hiện trạng sử dụng đất:

Hiện trạng khu mỏ là đất thuộc quyền quản lý của UBND xã Sơn Phú. Hiện tại, toàn bộ diện tích khu mỏ đang được UBND xã cho người dân sử dụng để trồng cây ăn quả (chủ yếu là trồng cam), trồng keo lá tràm. Ngoài diện tích trồng cam và keo thì trên diện tích khu vực mỏ là các cây gỗ và cây cọ.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Dự án nằm trong khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có xét đến năm 2020 theo Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

### ***1.1.4. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ khai thác***

#### ***1.4.1.1. Mục tiêu của Dự án***

- Khai thác đất làm vật liệu san lấp cho các dự án trên địa bàn huyện Hương Sơn và vùng phụ cận.

- Đáp ứng nhu cầu cho ngành xây dựng hiện nay.

- Khai thác tiềm năng nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn địa phương, tăng giá trị công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế của xã, huyện.

- Tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Tăng ngân sách nhà nước từ việc đóng các loại thuế.

#### ***1.4.1.2. Loại hình của Dự án***

+ Loại, cấp công trình: Khai thác khoáng sản làm VLXD;

+ Phân cấp: dự án đầu tư mới; Cấp III.

#### ***1.4.1.3. Quy mô và công suất, công nghệ của Dự án***

##### ***a. Quy mô của Dự án***

- Diện tích khai thác: 2,3ha.

- Trữ lượng khai thác: 290.975m<sup>3</sup>.

##### ***b. Công suất của Dự án***

Dự án lựa chọn công suất khai thác là  $A_n = 50.000\text{m}^3$  nguyên khai/năm (tương đương với 43.478m<sup>3</sup>/năm – đất nguyên khối, với hệ số nở rời 1,15).

##### ***c. Tuổi thọ dự án***

- Tuổi thọ mỏ: 07 năm.

- Độ sâu khai thác: đến cosd +10m.

##### ***d. Công nghệ, quy trình khai thác***

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Công nghệ khai thác: Bóc phủ lớp mặt - Xúc bốc – Vận tải.

- Quy trình khai thác: Cải tạo, mở đường lên vận tải, vị trí mặt bằng khai thác đầu tiên tại cosd +30m. Thực hiện khai thác từ trên xuống dưới theo lớp bằng với chiều cao tầng khai thác là 05m, sử dụng máy xúc để xúc chuyên đất khai thác lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

## **1.2. Các hạng mục công trình chính**

### **1.2.1. Các hạng mục công trình chính:**

- Tuyến đường vận chuyển nội mỏ dài 148m, rộng 5.5m;
- Bãi chứa đất phủ tạm thời năm đầu có diện tích 400m<sup>2</sup> và mở rộng ra hàng năm đến 2000m<sup>2</sup> theo khối lượng khai thác có vị trí nằm trong diện tích khu mỏ;
- Trạm cân;
- Nhà điều hành kiêm nhà bảo vệ bằng container có kích thước (dài 6m, rộng 2,5m, cao 2,6m), bố trí tại khu vực ra vào mỏ.

### **1.2.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:**

- Khu vực mỏ bố trí 02 hố lắng, mỗi hố có thể tích 150m<sup>3</sup> (10mx10mx1,5m), bố trí lần lượt tại mốc số 2 và gần mốc số 6 nằm trong khu vực mỏ;
- 01 nhà vệ sinh di động; 03 thùng rác chứa chất thải sinh hoạt, 02 thùng rác chứa chất thải nguy hại.

## **1.3. Vốn đầu tư của dự án:**

Tổng vốn đầu tư: **8.753.507.000 đồng** (*Tám tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, năm trăm linh bảy nghìn đồng*).

## **1.4. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:**

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.



## **CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ -XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **2.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất**

Khu mỏ thuộc khu vực Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Đỉnh cao nhất trong khu mỏ cốt +37,83m, thấp nhất +9,85m. Hình dạng đồi bát úp. Một phần diện tích phía Đông đã bị khai thác nham nhở (khoảng 0,5ha) để lấy đất xây dựng đường giao thông nông thôn xã. Khu vực khai thác ở phía Đông tạo thành 3 vách moong khai thác. Tầng dưới cùng từ cốt 18,0-26,0m, cao từ 8,0-10,0m, kéo dài khoảng 105m; Tầng 2 cao cốt 26,0-30,0m, cao từ 3,0-4,0m, kéo dài khoảng 60m; Tầng trên cùng tầng từ cốt cao độ 30,0-35,0m, cao từ 4,0-5,0m, kéo dài khoảng 35m. Sát với khu mỏ về phía Đông Bắc là bãi rác thải.

#### **2.1.2. Điều kiện khí hậu**

Dự án khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn thuộc vùng núi cao tỉnh Hà Tĩnh, có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa và được chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa nắng kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, khí hậu khô nóng. Mùa mưa kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.

### **2.2. Điều kiện kinh tế-xã hội**

Khu vực thực hiện Dự án thuộc xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Qua điều tra, tổng hợp các số liệu kinh tế-xã hội của địa phương năm 2021 cho thấy xã Sơn Phú cơ bản đạt các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện Hương Sơn. Hệ thống cơ sở hạ tầng đang từng bước được hiện đại hoá để phục vụ tình hình phát triển của địa phương.

### **2.3. Hiện trạng môi trường**

Để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, chủ dự án đã phối hợp cùng Công ty cổ phần Tài nguyên môi trường T&T triển khai lấy mẫu quan trắc môi trường nền của dự án gồm mẫu nước mặt nguồn tiếp nhận (khe Cồn Vải), mẫu đất, mẫu không khí. Kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu của các thành phần môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam. Môi trường nền khu vực thực hiện dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

### **CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng**

##### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

###### *3.1.1.1. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, GPMB*

- Vị trí thực hiện dự án phù hợp với định hướng, các quy hoạch phát triển do các cấp thẩm quyền phê duyệt như quy hoạch khai thác khoáng sản của tỉnh, quy hoạch sử dụng đất của huyện Hương Sơn, quy hoạch xây dựng của xã Sơn Phú.

- Nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án là 23.000m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích khu mỏ thuộc quản lý của UBND xã Sơn Phú nhưng đang được cho người dân sử dụng để trồng cam, keo và có 3 ngôi mộ, không có công trình kiên cố.

Do vậy, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của dự án có thể gây ra một số tác động như làm giảm diện tích trồng rừng sản xuất dẫn đến suy giảm tỷ lệ che phủ nói chung, ảnh hưởng đến vi khí hậu, khả năng giữ nước, cảnh quan của khu vực. Tuy nhiên, thời gian dự án không lớn và mặt bằng sẽ được hoàn trả gần như hiện trạng ban đầu, do đó, tác động này có thể chấp nhận được.

###### *3.1.1.2. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải*

###### *a. Nước thải.*

###### *a.1. Nước thải sinh hoạt*

- Nguồn phát sinh: phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong quá trình thi công xây dựng tại mỏ.

- Lưu lượng phát sinh: 0,48m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): giàu chất hữu cơ và chất lơ lửng; Các thông số đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Dầu mỡ động, thực vật, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Coliform.

###### *a.2. Nước xịt rửa bánh xe, thiết bị dụng cụ thi công*

- Nguồn phát sinh: tại khu vực ra vào mỏ do hoạt động xịt rửa xe, phương tiện và các thiết bị thi công sau mỗi ngày.

- Lưu lượng phát sinh: khoảng 3m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): chứa chất rắn lơ lửng, đất cát;

###### *a.3. Nước mưa chảy tràn*

- Nguồn phát sinh: tại khu vực mỏ

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: 147,6m<sup>3</sup>/h.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): cuốn trôi nhiều chất ô nhiễm bề mặt, chất hữu cơ, chất lơ lửng, đất, cát,...; Các thông số đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Tổng dầu mỡ, Coliform, Tổng N, Tổng P.

*b. Bụi và khí thải*

- Bụi phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình.

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng mỏ. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

*c. Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

*c.1. Chất thải rắn thông thường:*

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Nguồn phát sinh: từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường.

- Thành phần: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, ...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân huỷ (giấy báo, bao bì, vỏ chai thủy tinh/nhựa, túi nilon,...); bùn cặn từ nhà vệ sinh di động.

- Khối lượng phát sinh: 3,0kg/ngày.

+ *Chất thải rắn xây dựng:*

- Nguồn phát sinh: cải tạo, xây dựng các hạng mục mỏ (đường, hồ lắng, mương thoát nước, mặt bằng khai thác, bóc tầng phủ; sinh khối thực vật.

- Thành phần: đất bóc tầng phủ, đất đào, sinh khối thực vật (cây bụi, thân cành, rễ cây của các loại keo, cam, cọ,...).

- Khối lượng đất đào trong giai đoạn thi công khoảng 3.830m<sup>3</sup> (trong đó: khối lượng đất đào đường sau khi trừ đi khối lượng đất đắp: 1.428m<sup>3</sup>, khối lượng đào hồ lắng: 300m<sup>3</sup>; khối lượng đào mương thoát nước: 422m<sup>3</sup>, khối lượng tạo mặt bằng khai thác đầu tiên: 1.680m<sup>3</sup>); Đất bóc tầng phủ: 1.200m<sup>3</sup>.

- Sinh khối thực vật phát sinh: khoảng 4,5 tấn. Thành phần chủ yếu: cây cam, cọ, keo lá tràm và các loại cây bụi,...

*c.2. Chất thải rắn nguy hại:*

- Nguồn phát sinh: chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc và các phương tiện khai thác.

- Khối lượng phát sinh: không đáng kể (ước tính 1 kg/tháng).

- Thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng.

*3.1.1.3. Tác động của tiếng ồn, độ rung*

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

*a. Tiếng ồn:*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các phương tiện máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất bóc.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2010/BTNMT.

*b. Độ rung:*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất bóc.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 27:2010/BTNMT;

*3.1.1.4. Các tác động khác: sự cố sạt lở, sụt lún, mưa bão, tai nạn lao động*

**3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

*3.1.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất*

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng (UBND xã Sơn Phú, UBND huyện Hương Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh) tiến hành kiểm đếm, đo đạc vùng thực hiện Dự án, tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành trước khi triển khai thực hiện Dự án.

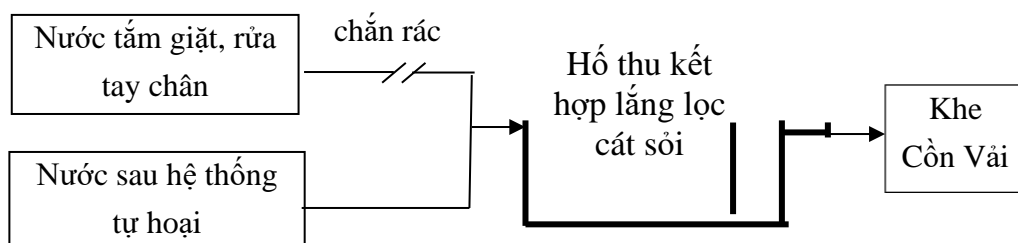
*3.1.2.2. Công trình thu gom, xử lý nước thải*

*a. Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này chỉ có nước thải sinh hoạt của công nhân. Sẽ được xử lý như sau:

Chủ dự án sẽ lắp đặt nhà vệ sinh di động cho công nhân sử dụng trong suốt quá trình thi công và quá trình khai thác sau này.

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải từ tắm giặt, vệ sinh... được thu gom dẫn về hố thu kết hợp lắng lọc cát sỏi trước khi thải ra khe Cồn Vải.



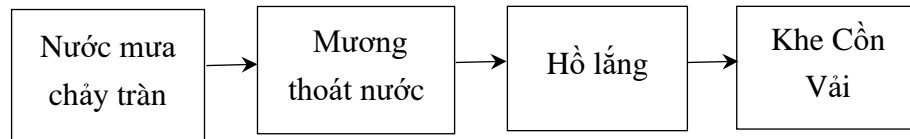
*b. Nước mưa chảy tràn*

- Trong giai đoạn XDCB chủ đầu tư sẽ ưu tiên tiến hành xây dựng 02 hố lắng và hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt mỏ, nên sau khi hoàn thành toàn bộ nước mưa chảy tràn khu vực dự án sẽ được thu gom về 02 hố lắng bố trí tại góc số 2 và số 6 của mỏ, nước mưa sẽ được lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

khe Cồn Vải. Thể tích hố lắng là 10m x 10m x 1,5m.



Nước phải xử lý đạt cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,0$ -QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận (khe Cồn Vải). Định kỳ nạo vét mương thoát, hố lắng.

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ moong khai thác được thu gom vào hệ thống mương thoát nước xung quanh mỏ dẫn về 02 hố lắng tập trung.

- Thông số thiết kế mương thoát nước:

+ Kích thước mặt cắt ngang:  $B_m \times B_d \times H = 1,0 \times 0,5 \times 1,0\text{m}$ ;

+ Chiều dài mương trong giai đoạn cải tạo mỏ, XD CB dự kiến: 562m.

*c. Nước xịt rửa xe, phương tiện thi công*

Nước xịt rửa xe, phương tiện thi công sau khi sử dụng được dẫn theo hệ thống mương thu nước về 2 hố lắng tập trung tại vị trí mốc số 2 và số 6 của mỏ.

*3.1.2.3. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải*

*a. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

Thời gian thi công xây dựng theo kế hoạch dự kiến khoảng 3,5 tháng. Lượng rác sinh hoạt phát sinh sẽ được phân loại và thu gom xử lý như sau: tại nhà văn phòng cho của khu mỏ sẽ bố trí 03 thùng đựng rác, mỗi thùng có dung tích 20 lít gồm:

+ 01 thùng đựng rác có khả năng tái chế như: vỏ lon nước, đồ nhựa, kim loại, giấy, bìa cát tông ... thùng đựng rác dung tích 20lít.

+01 thùng đựng rác thải khó phân hủy như: túi nilong, hộp đựng bánh, hộp đựng cơm văn phòng, các đồ hư hỏng...

+ 01 thùng đựng rác hữu cơ thành phần là vỏ hoa quả, thức ăn dư thừa...

Đối với rác tái chế thì sẽ được tận dụng và bán phế liệu, đối với rác khó phân hủy và rác dễ phân hủy thì cuối ngày công nhân sẽ thu gom, đưa ra bãi rác của UBND xã Sơn Phú (nằm cạnh khu mỏ) để tập kết và xử lý theo đúng quy định.

*b. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn xây dựng*

- Toàn bộ khối lượng đất phát sinh do hoạt động đào bóc bề mặt ở các hạng mục như bãi bốc xúc đầu tiên, làm đường nội mỏ, đào hố lắng và mương thu nước giai đoạn XD CB sẽ được vận chuyển về bãi chứa đất phủ để lưu trữ, tạo nguồn quỹ đất hữu cơ phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Diện tích bãi chứa đất phủ khoảng 2.000m<sup>2</sup>.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Sinh khối thực vật

+ Đối với thân cây keo, cây gỗ và cây cọ được người dân tiến hành khai thác, không phát sinh trên khu vực Dự án.

+ Đối với cành cây, gốc cây keo và sinh khối của cây cam cho người dân tận dụng làm củi;

+ Đối với lá, cây bụi và cỏ dại được Chủ đầu tư thu gom, tập trung về bãi chứa rác thải của xã Sơn Phú.

*c. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại*

Bố trí 02 thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) được đặt ở nhà tạm bọc kín bằng tôn, có mái che, kích thước khoảng 1,5mx1,5m và cách xa các thiết bị dễ cháy nổ. Định kỳ, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý.

*3.1.2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải*

- Các hạng mục công trình hạn chế bụi bao gồm: hệ thống bơm, vòi bơm tưới ẩm, bạt che phủ.

- Áp dụng biện pháp phun ẩm trong quá trình đào bóc, san ủi mặt bằng. Bình thường vào những ngày không mưa phun ẩm 01 lần/ ngày; những thời điểm có nắng to và gió cần phun ẩm ít nhất 02 lần/ngày.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các loại máy móc thi công để giảm bớt ô nhiễm do khí thải.

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu được che phủ bạt nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán.

*3.1.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung*

- Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, máy móc khai thác và chế biến thì biện pháp duy nhất là bảo trì thường xuyên các máy móc, thiết bị, phương tiện khai thác; không sử dụng các thiết bị quá cũ và có dung lượng âm thanh lớn.

- Công nhân khai thác cần được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn như: Mũ, quần áo bảo hộ lao động,...

*3.1.2.6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động sự cố môi trường*

*a. Sự cố sạt lở, xói mòn*

- Khoanh vùng thi công xây dựng các hạng mục công trình trong giai đoạn cải tạo mỏ, thi công đến đâu tiến hành chặt phá cây và thảm thực vật đến đó, không tiến hành chặt phá bừa bãi.

- Thu dọn và xử lý các loại đất phát sinh, cây cối, thảm thực vật trong quá trình làm các công trình đường hào mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, làm hố lắng... để hạn chế quá trình rửa trôi xuống khu vực khe suối xung quanh khu mỏ.



**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Định kỳ tiến hành nạo vét hệ thống mương dẫn thoát nước xung quanh khu vực mỏ và hồ lắng.

- Lựa chọn thời điểm và bố trí công trình thi công hợp lý, tránh thi công vào những ngày mưa .

- Trước và sau mùa mưa bão phải kiểm tra các công trình hệ thống thoát nước, hồ lắng, nhằm đảm bảo thu gom và xử lý nước thải trước khi chảy ra môi trường.

*b. Sự cố cháy nổ*

+ Trang bị bình chữa cháy tại chỗ.

+ Hướng dẫn cho toàn bộ công nhân xây dựng biết về phương pháp phòng cháy chữa cháy. Biên soạn nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy treo nơi dễ nhìn thấy.

+ Nghiêm cấm công nhân hút thuốc khi đang nạp nhiên liệu cho phương tiện, máy móc thi công.

*c. Sự cố tai nạn lao động*

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Đối với phương tiện thi công cơ giới như: Máy xúc, máy ủi, v.v... có chứng nhận đăng kiểm và được bảo trì bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm an toàn trước khi vận hành.

- Bố trí các công trình đảm bảo an toàn như: Biển báo công trường đang thi công, khu vực dốc,...

- Công nhân thi công, vận hành máy móc sẽ được đào tạo, huấn luyện và phổ biến nội quy công trường của dự án.

**3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.**

**3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

*3.2.1.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải*

*a. Nước thải.*

*a.1. Nước thải sinh hoạt*

- Nguồn phát sinh: quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc tại mỏ.

- Lưu lượng phát sinh: 0,48m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): giàu chất hữu cơ; Các thông số đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Dầu mỡ động, thực vật, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Coliform.

*a.2. Nước xịt rửa xe, phương tiện*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động xịt rửa xe, phương tiện vận chuyển trước khi ra ngoài mỏ.

- Lưu lượng phát sinh: khoảng 3m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): chứa chất rắn lơ lửng, đất, cát.

*a.3. Nước mưa chảy tràn*

- Nguồn phát sinh: tại khu vực mỏ.

- Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: 147,6m<sup>3</sup>/h.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): chứa chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, chất ô nhiễm bị cuốn trôi, đất, cát. Các thông số đặc trưng: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Tổng dầu mỡ, Coliform, Tổng N, Tổng P.

*b. Bụi và khí thải*

- Bụi phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình.

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng mỏ. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

*c. Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

*c.1. Chất thải rắn thông thường:*

*+ Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Nguồn phát sinh: từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân trên công trường.

- Thành phần: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, ...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân huỷ (giấy báo, bao bì, vỏ chai thủy tinh/nhựa, túi nilon,...);

- Khối lượng phát sinh: 3,0kg/ngày.

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh di động: 3m<sup>3</sup>/lần (định kỳ hút 12 tháng/lần).

*+ Chất thải rắn xây dựng:* do phương án khai thác đến đâu tiến hành phát quang đến đó nên trong quá trình khai thác trên bề mặt diện tích mỏ tiếp tục được phát quang, bóc lớp đất phủ để đảm bảo công tác khai thác.

- Nguồn phát sinh: bóc tầng phủ; sinh khối thực vật.

- Thành phần: đất bóc tầng phủ, sinh khối thực vật (cây bụi, thân cành, rễ cây của các loại keo, cam, cọ, ...).

- Khối lượng Đất bóc tầng phủ: 2.400m<sup>3</sup>.

- Sinh khối thực vật phát sinh: khoảng 9,0 tấn. Thành phần chủ yếu: cây cam, cọ, keo lá tràm và các loại cây bụi,...

- Bùn thải từ nạo vét hồ lắng: 40m<sup>3</sup>/lần (tần suất nạo vét 06 tháng/lần).

*c.2. Chất thải rắn nguy hại:*

- Nguồn phát sinh: chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc và các phương tiện khai thác.

- Khối lượng phát sinh: không đáng kể (ước tính 2kg/tháng).

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng.

**3.2.1.2. Tác động của tiếng ồn, độ rung**

**a. Tiếng ồn:**

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, phương tiện ra vào vận chuyển đất..

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2010/BTNMT.

**b. Độ rung:**

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất bóc.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 27:2010/BTNMT;

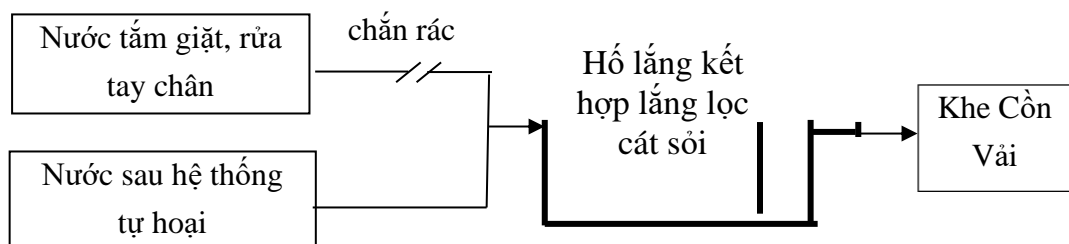
**3.2.1.3. Các tác động khác:** sự cố sạt lở, sụt lún đất, bão lũ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

**3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

**3.2.2.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải**

**a. Nước thải sinh hoạt**

Chủ đầu tư bố trí 01 nhà vệ sinh di động gần khu vực nhà điều hành container. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường ước tính  $0.48\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Nước thải sau khi đi qua bể tự hoại sẽ theo hệ thống mương thoát nước về hố lắng của Dự án và sau đó thoát ra khe Cồn Vải.



**b. Nước xịt rửa xe, phương tiện ra vào mỏ:**

- Nước xịt xe tại cổng ra vào được xử lý tương tự như trong giai đoạn thi công xây dựng.

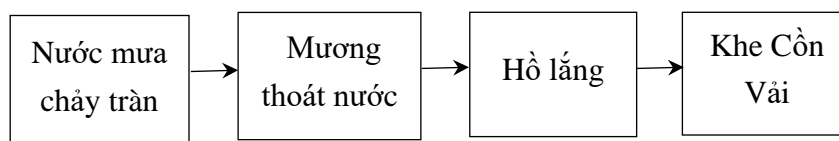
**c. Nước mưa chảy tràn qua khu vực moong khai thác:**

Nước mưa chảy tràn theo mương thoát nước hai bên tuyến đường nội mỏ và xung quanh bãi chứa đất phủ tạm thời dẫn ra hồ lắng để lắng lọc sau đó chảy về khe Cồn Vải.

\* Quy trình thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn:

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---



Nước thải từ các nguồn sau khi xử lý lắng lọc sẽ chảy ra nguồn tiếp nhận.

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,0$

**3.2.2.2. Công trình thu gom, lưu giữ chất thải**

**a. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Chủ dự án dự kiến sẽ bố trí 3 thùng đựng rác có thể tích  $V = 20$  lít/thùng đặt tại khu khu điều hành.

- Chất thải sinh hoạt sau khi được thu gom hàng ngày được cán bộ công nhân ở mỏ tự vận chuyển qua bãi rác của UBND xã Sơn Phú (ngay cạnh khu mỏ) để xử lý theo quy định.

**b. Chất thải rắn xây dựng**

- Đối với lớp đất bóc phủ hàng năm được vận chuyển về bãi chứa đất phủ để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau này; Bãi chứa đất phủ được thực hiện trên diện tích  $2.000m^2$ , năm đầu tiên sẽ được bố trí ở cạnh 1-2 (gần góc số 2) sau đó theo thời gian khai thác vị trí bãi chứa đất phủ sẽ được chủ đầu tư di chuyển trong diện tích khu vực mỏ để phù hợp với hoạt động khai thác, mở vỉa. Sau khi kết thúc năm thứ 7, sẽ tận dụng lại để đắp đày mỏ phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

- Trong quá trình khai thác, nếu phát sinh đá phong hóa, đá cứng sẽ được Chủ đầu tư tiến hành thu gom và vận chuyển về bãi chứa đất phủ để gia cố bờ bao xung quanh. Đối với đá nguyên khối sẽ dừng hoạt động khai thác và tạo vỉa khai thác các vị trí khác trong phạm vi mỏ.

- Phần sinh khối thực vật: sẽ được tận dụng phân thân, cành cây để làm gỗ, củi đun cho khu vực dân cư xung quanh; phần cây bụi, lá cây không sử dụng được sẽ được vận chuyển sang bãi chhuas rác thải của xã Sơn Phú.

- Đối với hoạt động nạo vét hồ lắng: Định kỳ nạo vét và đưa về bãi đổ đất bóc phong hóa để đổ. Trường hợp lượng mưa trung bình và thường xuyên trong một thời điểm sẽ bố trí nạo vét cạn sau mỗi thời điểm trời có mưa. Trường hợp sau thời điểm mưa lớn cần gia tăng hoạt động nạo vét, đặc biệt là sau mỗi thời điểm trời mưa bão, đảm bảo thể tích xử lý của các hồ lắng, giảm thiểu tác động trực tiếp đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

**c. Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại gồm giẻ lau nhiễm dầu, dầu máy thay ra từ các thiết bị và một

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

số chất độc hại khác sẽ được thu gom riêng vào 02 thùng phuy chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) được đặt ở khuôn viên nhà điều hành mỏ được che chắn cẩn thận. Định kỳ, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý.

*3.2.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải*

*a. Bụi*

+ *Đối với khu vực mỏ khai thác:*

- Để giảm thiểu tác động của bụi từ hoạt động khai thác bao gồm: Bụi từ moong khai thác, đường nội mỏ và bụi từ khâu bốc xúc. Chủ đầu tư sẽ tiến hành phun ẩm đối với các khu vực này với tần suất 01 lần/ngày đối với những ngày bình thường không mưa và tối thiểu 04 lần/ngày đối với thời điểm nắng to và khô hanh. Phương tiện sử dụng tưới ẩm là xe chở tạt nước có dung tích 5m<sup>3</sup>.

- Sau thời điểm kết thúc khai thác, Chủ dự án sẽ thực hiện phương án đắp hoàn phục đáy mỏ phục vụ trồng cây theo thiết kế. Hoạt động lu nén đất đáy mỏ sẽ được thực hiện đúng kỹ thuật, đảm bảo nền đất trồng cây và hạn chế lượng cận phát sinh cuốn theo nước mưa chảy tràn bề mặt ra khu vực.

+ *Đối với công tác vận chuyển:*

- Xe chở thành phẩm ra khỏi mỏ đều được yêu cầu phải có phủ kín bạt, chở đúng trọng tải, giảm tốc khi qua khu dân cư không chạy quá vận tốc quy định.

- Các phương tiện vận chuyển phải được điều tiết lưu thông luân phiên nhau, không sử dụng đồng thời nhiều phương tiện lưu thông cùng một thời điểm sẽ phát sinh lượng bụi và khí thải lớn vào môi trường không khí.

- Bố trí 01 điểm rửa, xịt lớp bùn đất bám trên bánh xe trên tuyến đường vận chuyển trước khi ra khỏi mỏ.

*b. Khí thải*

- Các phương tiện được sử dụng trong khu mỏ đảm bảo đạt các yêu cầu về đăng kiểm và an toàn.

- Định kỳ tổ chức bảo dưỡng máy khai thác mỏ để đảm bảo công suất và vận hành máy theo từng năm.

*3.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung*

- Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, máy móc khai thác và chế biến thì biện pháp duy nhất là bảo trì thường xuyên các máy móc, thiết bị, phương tiện khai thác; không sử dụng các thiết bị quá cũ và có dung lượng âm thanh lớn.

- Công nhân khai thác cần được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn như: Mũ, quần áo bảo hộ lao động,...

*3.2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

*a. Phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ:*

- Để đảm bảo ứng cứu kịp thời sự cố cháy nổ, tại các máy khai thác bố trí bình chữa cháy lắp đặt trong cabin để thuận tiện cho việc chữa cháy kịp thời trên các máy móc khai thác mỏ.

- Dự án sẽ xây dựng các phương án và nội quy an toàn về phòng chống cháy nổ. Tập huấn cho công nhân đặc biệt là công nhân trên công trường mỏ nắm vững phương pháp phòng cháy chữa cháy, xử lý sự cố.

*b. Phòng ngừa sự cố sạt lở, trôi trượt đất:*

- Quá trình khai thác chủ dự án sẽ tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh “QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên” do Bộ Công thương ban hành.

- Việc khai thác sẽ được tiến hành từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, tạo đường kháng chân tầng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra, gia cố các khu vực bờ mỏ khai thác, đường vận chuyển nội bộ, bãi chứa đất phủ.

*c. Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:*

- Công nhân thi công, vận hành máy móc trong khu vực mỏ sẽ được huấn luyện, tập huấn về các nội quy công trường và trang bị bảo hộ lao động (giày, mũ, quần áo,...) đầy đủ.

- Đối với máy móc, phương tiện trước khi đưa vào vận hành sẽ được kiểm tra trước, bảo dưỡng.

*d. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông:*

- Các xe chở vật liệu ra khỏi khu vực dự án sẽ được phủ bạt che kín thùng xe, phương tiện đúng tải trọng, không chở quá tải trọng theo quy định hiện hành.



## **CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

### **4.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

#### **4.1.1. Các căn cứ để lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác mỏ đất là khai thác mỏ lộ thiên không có nguy cơ tạo dòng thải axit mỏ; để lại địa hình có hình dạng khác hố mỏ, có độ sâu ngang bằng so với mặt bằng tự nhiên; ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh đã nêu ở các chương trước;

- Căn cứ vào cấu tạo địa chất, thành phần và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo môi trường, hệ sinh thái tại khu vực; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tôn trọng đặc thù, phong tục tập quán, văn hóa xã hội địa phương; hạn chế thấp nhất tác động của chất thải trong quá trình cải tạo; tuân thủ đúng hướng dẫn tại phụ lục 2, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

#### **4.1.2. Dự báo tình trạng mỏ sau khi kết thúc khai thác**

- Khu vực bờ mỏ: Sau khi kết thúc khai thác phần bờ mỏ để lại diện tích đai bảo vệ:  $652m^2$ , diện tích mái taluy là  $2.279,75m^2$ ; phần còn lại là mặt bằng của khu khai thác ở trung tâm khu mỏ (tại cosd +10m) có tổng diện tích:  $18.000m^2$ . Sườn tầng khu vực mỏ sau khi kết thúc khai thác nằm bao quanh bờ mỏ được hình thành theo dạng giạt cấp; chiều cao lớn nhất của sườn tầng là  $27,83m$  từ cosd +37,83m, thấp nhất +10m được giạt cấp thành 2 tầng với chiều cao tầng 5m; góc gốc sườn tầng  $45^\circ$ .

- Khu vực đáy mỏ: Đáy moong khai thác (Tại cosd +10m) có tổng diện tích là  $18.000m^2$ , Chu vi đáy moong:  $515,52m$ .

- Hố lắng 1: Nằm ở phía Đông Nam (ở mốc 2) khu vực mỏ; Kích thước hố lắng:  $10 \times 10m = 100m^2$ , chiều sâu 1,5m; thể tích  $150m^3$ ; Mương thu nước về hố lắng có chiều dài 264m, bề rộng mặt 1; đáy 0,5m; trung bình 0,75m, chiều sâu 1,0m; khối lượng đào  $198m^3$ ; diện tích mương thu nước:  $132,25m^2$ .

- Hố lắng 2: Nằm ở phía Tây Bắc (gần mốc 6) khu vực mỏ; Kích thước hố lắng:  $10 \times 10m = 100m^2$ , chiều sâu 1,5m; thể tích  $150m^3$ ; Mương thu nước về hố lắng có chiều dài 298m, bề rộng mặt 1,0m, đáy 0,5m; trung bình 0,75m, chiều sâu 1,0m; khối lượng đào  $224m^3$ ; diện tích mương thu nước:  $149,25m^2$ .

Tổng khối lượng đào mương và hố lắng:  $150 \times 2 + 198 + 224 = 722m^3$ .

- Khu vực công trình phụ trợ:

+ Khu vực nhà điều hành kiêm nhà bảo vệ, được đặt nằm phía Đông Bắc, sát mốc số 1: 01 nhà container.

+ Khu vực bãi thải:

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- Khối lượng đất bóc được tính như sau:  $V_{đp} = S \times H'$  (m<sup>3</sup>)

+ Trong đó: chiều dày đất phủ trung bình là  $H' = 0,2$ m;

+ Tổng S là diện tích có đất phủ:  $S = 18.000$  m<sup>2</sup>;

+ Vậy  $V_{đp} = 18.000 \times 0,2 = 3.600$  m<sup>3</sup>;

- Tuyến đường vận chuyển: Sau khi kết thúc khai thác mỏ tuyến đường vận chuyển trong mỏ đến ranh giới mỏ có tổng chiều dài 31m, rộng 5,5m, mặt đường đất được san gạt và lu nén, đầm chặt. Diện tích đường tạm: 170,5m<sup>2</sup>.

#### **4.1.3. Phương án phục hồi môi trường**

**Phương án lựa chọn:** san gạt đáy khai trường; tháo dỡ các công trình phụ trợ; trồng cây sau khi kết thúc toàn bộ hoạt động khai thác.

❖ **Gồm các công việc sau:**

- San gạt hoàn trả đất hữu cơ lên đáy moong, hố lắng và hệ thống mương thoát nước;

- Trồng cây xanh khu vực đáy khai trường trả lại như hiện trạng ban đầu;

- Làm hàng rào, biển báo xung quanh bờ mỏ;

- Tháo dỡ nhà tạm, trạm cân, nhà vệ sinh công cộng di động;

❖ **Giải pháp thực hiện các công trình cải tạo phục hồi môi trường**

✓ San gạt lại đáy moong, hố lắng và hệ thống thoát nước nhằm mục đích làm cho đáy khai trường sau khi cải tạo, phục hồi môi trường tương đối bằng phẳng và có độ dốc đều từ cuối khai trường về khu vực mở mỏ tạo thuận lợi cho việc thoát nước mưa sau này.

- Diện tích đáy cần san gạt = Diện tích khai trường + diện tích hố lắng + diện tích hệ thống mương thoát nước.

Trong đó:

+ Diện tích khai trường: 17.518,5m<sup>2</sup>

+ Diện tích hố lắng: 100m<sup>2</sup>×2=200m<sup>2</sup>

+ Diện tích hệ thống mương thoát nước: 132,25m<sup>2</sup>+149,25m<sup>2</sup> = 281,5m<sup>2</sup>

→ Tổng diện tích cần san gạt: 18.000m<sup>2</sup>

- Giải pháp thực hiện: Công ty sử dụng máy ủi công suất 110CV tiến hành đào san đất trong phạm vi <=50m từ chỗ cao về các vị trí thấp, san bằng các hố lồi lõm tạo thành mặt bằng tương đối bằng phẳng thuận lợi cho công tác tiêu thoát nước. Khối lượng đất sử dụng để san gạt được lấy từ đất phủ đã được bóc trữ tại bãi chứa đất phủ và đáy moong.

- Kết quả đạt được: Đáy khai trường được san gạt bằng phẳng và tạo độ nghiêng về phía Tây Bắc, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây sau này.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

- ✓ Trồng cây xanh khu vực đáy khai trường trả lại như hiện trạng ban đầu
- Diện tích khu vực trồng cây xanh = diện tích khu vực moong + diện tích bờ mỏ + diện tích đường tạm vào khu vực khai thác.

Trong đó:

+ Diện tích đáy moong (đã bao gồm diện tích hố lắng và hệ thống mương thoát nước): 18.000m<sup>2</sup>

+ Diện tích đai bảo vệ: 652m<sup>2</sup>, diện tích mái taluy là 2.279,75m<sup>2</sup>

+ Diện tích đường tạm: 170,5m<sup>2</sup>

→ Tổng diện tích cần trồng cây: 18.652m<sup>2</sup>

- Phương thức trồng:

+ Loại cây trồng: keo lá tràm;

+ Mật độ trồng: 1.660 cây/ha;

+ Thời gian trồng: Quá trình trồng cây được tiến hành sau khi hoàn thành công tác khai thác mỏ và tiến hành san gạt, phủ đất màu hữu cơ khu vực khai trường.

- Giải pháp thực hiện: Nhân công đào hố và trồng cây keo lá tràm bằng thủ công.

- Kết quả đạt được: Trả lại hiện trạng môi trường tự nhiên vốn có của khu vực khai thác.

✓ Lập hàng rào, cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực CTPHMT.

\* Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm

- Khối lượng và thời gian thực hiện:

Trước khi đi vào khai thác để cảnh báo cho người dân xung quanh khu vực khai thác được biết Công ty sẽ tiến hành cấm 03 biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực hố lắng nước mưa lắp đặt 02 biển báo, 01 biển báo lắp đặt tại đường vào mỏ.

- Giải pháp thực hiện: Sử dụng nhân công gia công tiến hành các công việc như sau :

+ Làm biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6 x 1,0m;

+ Làm cột đỡ biển báo bê tông cốt thép cột dài 2,7m.

+ Lắp đặt biển báo.

Sau khi hoàn thành quá trình khai thác, biển báo tại hai hố lắng được tháo dỡ di chuyển lên lắp đặt xung quanh ranh giới mỏ và bàn giao cho địa phương quản lý.

\* Lắp đặt hàng rào dây thép gai

- Khối lượng và thời gian thực hiện:

Khu vực bờ moong sau khi kết thúc khai thác được hình thành dọc theo ranh giới mỏ.

→ Chiều dài cần phải dựng hàng rào dây thép gai: 515,93m.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

+ Lưới thép gai được đan theo dạng lưới ô vuông (Tạo bởi các dây thép gai ngang cách nhau 25cm và các dây thép gai dọc cách nhau 25cm) có chiều cao 1m.

+ Cột trụ được đúc bằng bê tông cốt thép có kích thước ( $D \times R \times H = 0,12 \times 0,12 \times 1,7$ m), để đảm bảo sự chắc chắn của hàng rào các cột trụ được trồng cách nhau là 2m → Tổng số cột trụ: 258 cột.

- Giải pháp thực hiện: Thuê nhân công triển khai các công việc:

+ Làm cột trụ hàng rào thép gai;

+ Đào đất móng cột bê tông hàng rào thép gai: Kích thước đào móng cột 40x40x40cm.

+ Đan lưới thép gai.

- Kết quả đạt được: Xung quanh khu vực đáy moong, rừng cây mới trồng được bảo vệ bởi hệ thống hàng rào dây thép gai và có biển báo hiệu.

✓ Tháo dỡ nhà văn phòng, trạm cân, nhà vệ sinh công cộng di động

✓ Vệ sinh đoạn đường từ mỏ ra đến đường liên xã (chiều dài  $L=314$ m).

Sau khi kết thúc khai thác: nhà văn phòng, trạm cân, nhà vệ sinh di động sẽ được chủ đầu tư di dời về trụ sở công ty.

- Khối lượng thực hiện: Diện tích  $S = 2,3$ ha.

## **4.2. Kế hoạch thực hiện**

### ***4.2.1 Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường***

Để bảo vệ tốt môi trường, hạn chế tới mức tối đa ảnh hưởng tới môi trường do hoạt động của việc cải tạo, phục hồi môi trường gây ra, Chủ dự án sẽ thiết lập một chương trình quản lý môi trường, đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khi được kiểm tra, xác nhận của cơ quan nhà nước sẽ được chủ đầu tư bàn giao lại cho địa phương để quản lý và sử dụng.

### ***4.2.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình***

#### ***4.2.2.1. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường***

Thời gian để hoàn thành công tác cải tạo phục hồi môi trường của mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn là khoảng 3,5 năm.

#### ***4.2.2.2. Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của Phương án cải tạo, phục hồi môi trường***

+ Trong quá trình khai thác Công ty sẽ tiến hành san gạt mặt bằng đáy khu vực khai thác và lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

+ Sau khi kết thúc khai thác Công ty sẽ tiến hành cải tạo lại mặt bằng canh tác ở đáy khai trường, tháo dỡ hết các công trình phụ trợ phục vụ khai thác và vệ sinh khu vực dự án, lấp đặt biển cảnh báo nguy hiểm.

+ Công ty sẽ thực hiện quá trình cải tạo, phục hồi môi trường với sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hương Sơn.

+ Sau khi hoàn thành các công tác trên, Công ty báo cáo lên các cấp có thẩm quyền đề nghị tổ chức giám định và xác nhận đã hoàn thành các công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Công ty sẽ trực tiếp thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường ngay khi tiến hành công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

**4.2.3. Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận**

+ Công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận sẽ được Công ty sẽ bàn giao lại cho UBND xã Sơn Phú quản lý.

+ Chủ đầu tư sẽ phối hợp với chính quyền địa phương quản lý, duy tu và bảo vệ công trình cải tạo, PHMT trong 2 năm sau khi xây dựng. Trong trường hợp nếu xảy ra sự cố đối với các công trình Cải tạo phục hồi môi trường Công ty sẽ khắc phục lại toàn bộ khối lượng công việc đã thực hiện trước đó đồng thời sẽ đền bù các thiệt hại cho người dân bị ảnh hưởng từ các sự cố nêu trên.

**4.3. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

**4.3.1. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện là **330 667 000 VNĐ** (Ba trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn).

**4.3.2. Tính toán khoản tiền ký quỹ**

- Tổng kinh phí thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường phải nộp: 330.667.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Thời gian ký quỹ: 7 năm.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần 01 trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

Số tiền ký quỹ: 82.666.750 đồng.

+ Các lần ký quỹ tiếp theo thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Số tiền ký quỹ/năm: 41.333.375 đồng

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh, tài khoản số 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank Chi nhánh Hà Tĩnh.

## **CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

Trong quá trình thực hiện dự án Chủ đầu tư sẽ báo cáo lên cơ quan quản lý môi trường về việc dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiêu cực đến môi trường.

Phối hợp với cơ quan quản lý môi trường địa phương, các đơn vị chuyên môn tiến hành giám sát môi trường định kỳ trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Để quản lý về môi trường trong suốt quá trình hoạt động, dự án sẽ có một bộ phận phụ trách về công tác quản lý bảo vệ môi trường.

Thực hiện việc giám sát môi trường theo đúng hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, các chỉ tiêu giám sát phải đảm bảo các quy chuẩn hiện hành.

### **5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng**

#### **5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí**

- Vị trí giám sát: 1 vị trí (tại khu vực hoạt động XD CB mở);
- Các thông số giám sát (05 thông số): Độ ồn, Bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian XD CB mở.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

#### **5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt**

- Vị trí giám sát: 04 vị trí.
  - + 02 vị trí trước 02 hố lắng (đầu vào);
  - + 02 vị trí sau 02 hố lắng (đầu ra).
- Các thông số giám sát (11 thông số): pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N); Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P); Tổng Coliforms.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian XD CB mở.
- Quy chuẩn so sánh: cột B - 40:2011/BTNMT (cột B), hệ số k<sub>q</sub> = 0,9, k<sub>f</sub> = 1,0.

#### **5.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt**

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại khe Cồn Vải (phía hạ nguồn tiếp nhận).
- Các thông số giám sát (11 thông số): pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), Tổng dầu mỡ, Coliform, Sắt (Fe), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P).
- Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian XD CB mở.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.



#### **5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH)**

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, CTNH.
- Nội dung giám sát: Khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, hợp đồng chuyển giao xử lý các loại chất thải phát sinh theo quy định;
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

#### **5.1.5. Giám sát khác**

- Nội dung: Giám sát sạt lở, sụt lún đất; cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố bom mìn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động...
- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

### **5.2. Giám sát môi trường giai đoạn khai thác**

#### **5.2.1. Giám sát nước thải**

Theo điểm a, khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì hệ thống các công trình xử lý nước thải của dự án thuộc đối tượng công trình xử lý chất thải không phải vận hành thử nghiệm.

- Vị trí giám sát: 04 vị trí.
  - + 02 vị trí trước khi vào 2 hồ lắng (đầu vào).
  - + 02 vị trí sau 2 hồ lắng (đầu ra).
- Thông số giám sát (11 thông số): pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N); Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P); Tổng Coliforms.
  - Tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh:
    - + Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
    - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), hệ số K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,0.

#### **5.2.2. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác;
- Các thông số giám sát (05 thông số): Độ ồn, Bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

### **5.2.3. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt**

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại khe Cồn Vải (phía hạ nguồn tiếp nhận).
- Các thông số giám sát (11 thông số): pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), Tổng dầu mỡ, Coliform, Sắt (Fe), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tính theo P).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### **5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, CTNH**

- Vị trí giám sát: tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn thông thường, CTNH;
- Nội dung giám sát: Khối lượng chất thải; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, chuyển giao xử lý các loại chất thải phát sinh;
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

### **5.2.5. Giám sát khác**

- Nội dung: giám sát sạt lở, sụt lún đất; cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động...;
- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan.
- Tần suất: thường xuyên.

## CAM KẾT

Để đảm bảo môi trường khu vực thực hiện dự án, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức cam kết các nội dung sau:

- Cam kết xây dựng hoàn tất các công trình bảo vệ môi trường theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn khu vực trong cả các giai đoạn xây dựng cơ bản, khai thác.

- Đầu tư kinh phí thực hiện giảm thiểu, khống chế các tác nhân gây ô nhiễm đến môi trường như tiếng ồn, khí thải, bụi, nước thải...

- Thực hiện đúng thiết kế cơ sở của dự án, bên cạnh đó thực hiện các biện pháp an toàn lao động trong thi công và xây dựng và khai thác.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc pháp lệnh về nộp thuế và tài nguyên.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ.

- Cam kết không để đất đá ảnh hưởng xấu đến khu vực.

- Cam kết đầu tư xây dựng, tu sửa các công trình bãi thải, hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), hệ số  $k_q = 0,9$ ,  $k_f = 1,0$ .

- Cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường để theo dõi môi trường một cách đầy đủ và kịp thời.

- Cam kết đảm bảo chất lượng môi trường không khí đạt QCVN 05:2013/BTNMT; tiếng ồn đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT; độ rung đảm bảo QCVN 27:2010/BTNMT.

- Cam kết làm các thủ tục liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

- Cam kết thực hiện công tác khai thác đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 5326-2008: Quy chuẩn quốc gia về kỹ thuật an toàn khai thác mỏ lộ thiên.

- Cam kết đền bù các thiệt hại khi có sự cố môi trường xảy ra.

- Chủ dự án cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu để xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân và môi trường ở các địa phương xung quanh khu vực dự án.

Trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức, Chủ dự án cam kết tiến hành thực hiện các công việc sau:

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án; quan trắc môi trường theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

- Cam kết nghiêm yết công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát.

Chủ dự án sẽ thực hiện nghiêm túc và chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng về hoạt động của dự án về mặt môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam. Sau khi kết thúc khai thác Chủ dự án sẽ thực hiện nghiêm túc công tác cải tạo phục hồi môi trường cho dự án.

**Báo cáo đánh giá tác động môi trường:** Dự án Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp  
Núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

---

## **PHỤ LỤC**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **467/QĐ-UBND**

Hà Tĩnh, ngày **28** tháng 02 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt và công nhận trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong  
“Báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp núi Cồn  
Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”  
(Trữ lượng tính đến ngày 15/12/2021)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

~~Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;~~

~~Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;~~

~~Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;~~

~~Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;~~

~~Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 2713/QĐ-UBND ngày 28/7/2021, số 3247/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 và số 3965/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 về việc kiện toàn, thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;~~

~~Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 3170/GP-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;~~

~~Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 537/STNMT-KS ngày 22/02/2022 (kèm theo Đơn và Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ~~



*lượng khoáng sản ngày 03/01/2022 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức; Biên bản Hội nghị thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản ngày 19/01/2022 và các phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng thẩm định).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng đất san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”; với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là: 2,3ha (*Bằng chữ: hai phẩy ba héc ta*) có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp đã tính trong báo cáo là:

- Cấp 122: 297.070m<sup>3</sup>.

3. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là:

- Cấp 122: 297.070m<sup>3</sup>.

4. Mức sâu nhất các khối trữ lượng phê duyệt: +10m.


Trữ lượng khoáng sản đất san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập Dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Đức và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**Phụ lục 1**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG  
SẢN MỎ ĐẤT SAN LẬP NÚI CÒN VẢI, XÃ SƠN PHÚ,  
HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH**  
(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh)

<b>Hệ VN-2000 kinh tuyến trực 105° 30' múi chiếu 3°</b>		
<b>Điểm góc</b>	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1	2044674	493892
2	2044539	493898
3	2044508	493838
4	2044543	493761
5	2044582	493744
6	2044663	493750
7	2044669	493777
8	2044698	493836
<b>Diện tích: 2,3ha</b>		

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



Phụ lục 2

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SAN LẤP  
NÚI CÒN VẢI, XÃ SƠN PHÚ, HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH**  
(Kèm theo Quyết định số **467/QĐ-UBND** ngày **28/02/2022** của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	1-122	+ 10	297.070	
<b>Tổng (122)</b>			<b>297.070</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Phu", is written over the text of the Provincial People's Committee.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3170/GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3510/STNMT-KS ngày 08/9/2021 (kèm theo Đơn ngày 29/7/2021 và Hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức; Biên bản Hội nghị thẩm định 14/8/2021 và các phiếu đánh giá, nhận xét của các Ủy viên Hội đồng thẩm định).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức được thăm dò mỏ đất san lấp núi Cồn Vải, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn; với các nội dung chủ yếu sau:

- Diện tích khu vực thăm dò: 2,3ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 3,5 (Ba phẩy năm) tháng, kể từ ngày ban hành Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo thăm dò khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thẩm định và thông qua và được nêu tại Phụ lục 3 Giấy phép này.

- Chi phí thăm dò: 201.050.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh một triệu, không năm năm mươi nghìn đồng), bằng nguồn vốn của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức (Đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

## **Điều 2. Công TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức có trách nhiệm:**

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng chẵn) theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Thực hiện thăm dò mỏ đất san lấp theo phương pháp và khối lượng của Đề án thăm dò đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh trước khi thực hiện; chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền trong quá trình thi công các phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án;

Bảo vệ tài nguyên khoáng sản và nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đất san lấp. Trường hợp lấy mẫu công nghệ, trước khi triển khai, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.


6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Ủy ban nhân dân tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

7. Chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh/Phó VP phụ trách;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đặng Ngọc Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**Phụ lục 1**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐẤT SAN LẤP NÚI CÒN VẢI,  
XÃ SƠN PHÚ, HUYỆN HƯƠNG SƠN**

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò số 1.1.0/GP-UBND ngày 1.6/9/2021 của UBND tỉnh)*

<b>Hệ VN-2000 kinh tuyến trục 105<sup>0</sup> 30' múi chiếu 3<sup>0</sup></b>		
<b>Điểm góc</b>	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1	2044674	493892
2	2044539	493898
3	2044508	493838
4	2044543	493761
5	2044582	493744
6	2044663	493750
7	2044669	493777
8	2044698	493836
<b>Diện tích: 2,3 ha</b>		

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**Phụ lục 3**

**KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**  
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số 1110/GP-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh)

TT	DẠNG CÔNG VIỆC	Đ.VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
<b>1</b>	<b>Công tác trắc địa</b>		
	Xác định điểm GPS	điểm	2
	Lập lưới khống chế độ cao kỹ thuật	km	0,507
	Lập lưới khống chế độ cao đo đạc	km	0,507
	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1.000 (h = 1m)	km <sup>2</sup>	0,023
	Đo vẽ mặt cắt địa hình tỷ lệ 1:1.000	km	0,148
	Định tuyến thăm dò	km	0,148
	Đưa công trình chủ yếu từ thiết kế ra thực địa và đo thu vào bản đồ	ct	5
	Cắm mốc mỏ tại thực địa	Điểm	8
<b>II</b>	<b>Công tác địa chất</b>		
1	Lập bản đồ địa chất – khoáng sản tỷ lệ 1:1000	km <sup>2</sup>	0,023
2	Đo vẽ vết lộ	VL	2
<b>III</b>	<b>Lập bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ 1:1000</b>	km <sup>2</sup>	0,023
<b>IV</b>	<b>Công tác khoan, khai đào</b>		
	Khoan máy (01 lỗ khoan)	m	28
	Đào hào (04 hào)	m <sup>3</sup>	36
<b>V</b>	<b>Công tác mẫu (lấy, gia công, phân tích)</b>		
	Mẫu cơ lý đất toàn diện (17 chỉ tiêu)	mẫu	2
	Mẫu cơ lý đất (7 chỉ tiêu)	mẫu	5
	Mẫu cơ lý đá (7 chỉ tiêu)	mẫu	1
	Mẫu thể trọng lớn và hệ số nở rời	mẫu	2
	Mẫu hóa toàn diện	mẫu	2
	Đo hoạt động phóng xạ	mẫu	2
<b>6</b>	<b>Lập báo cáo tổng kết</b>	Báo cáo	1





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 835 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
mỏ đất san lấp núi Cồn Vãi, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;*

*Căn cứ Biên bản phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản lập ngày 28/01/2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 439/STNMT-KS ngày 02/02/2021 và Văn bản số 605/STNMT-KS ngày 23/02/2021; ý kiến thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác mỏ đất san lấp núi Cồn Vãi, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí: Núi Cồn Vãi, xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn.

2. Tọa độ các điểm khép góc:

Điểm khép góc	Hệ tọa độ VN 2000, KTT 105°30' Múi chiều 3 <sup>0</sup>	
	X(m)	Y(m)
1	2044674	493892
2	2044539	493898
3	2044508	493838
4	2044543	493761
5	2044582	493744
6	2044663	493750
7	2044669	493777
8	2044698	493836

3. Diện tích: 2,3ha.
4. Tổ chức trúng đấu giá: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức.
5. Giá trúng đấu giá:  $R_{dg} = 45,3\%$ .
6. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.
7. Diện tích tại huyện Hương Sơn chiếm 100%.

**Điều 2.** Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức có trách nhiệm:

1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản.


2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản phải nộp hồ sơ và tiền trúng đấu giá, hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Phó VP Nguyễn Duy Nghi;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NL<sub>1</sub>. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đặng Ngọc Sơn**